

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **09/2024/DSST**
Ngày 19/4/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm Sát viên.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 2, ấp AL, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

- *Bị đơn:* Chị **T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh N trình bày:***

Vào ngày 19/11/2021 âm lịch (22/12/2021 dương lịch), anh N có bán cho Chị T 1 cái tủ kệ thao lao 2m và 1 bàn trang điểm trị giá 10.800.000 đồng +2.700.000 đồng = 13.500.000đ. Chị T trả trước cho anh 7.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận nếu

rằm tháng giêng chị T trả đủ số tiền còn lại 6.500.000 đồng thì không tính lãi, nếu đến hạn mà không trả đủ thì tính lãi 3%/tháng nhưng chị T không thực hiện đúng như lời hứa. Sau đó rất lâu thì chị Tt có gửi trả được tiền lãi là 1.800.000 đồng, số tiền gốc 6.500.000 đồng và tiền lãi còn lại thì anh N nhiều lần đòi chị Tuyết nhưng chị hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện. Anh N có nhờ chính quyền địa phương giải quyết, trong buổi hoà giải tại trụ sở ấp AT vào ngày 20/7/2023 thì chị T thừa nhận còn nợ 6.500.000 đồng tiền mua cái tủ của anh, còn tiền lãi thì chị T xin bỏ và xin trả dần số tiền 6.500.000 đồng nêu trên mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng anh Năm không đồng ý vì số tiền này chị T nợ đã quá lâu rồi. Do đó anh N khởi kiện yêu cầu chị T trả trong một lần cho anh N số tiền mua tủ còn nợ là: 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 19/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 22/12/2021 dương lịch) cho đến khi xét xử. Anh N xác định chỉ yêu cầu chị T trả số tiền nêu trên cho anh, ngoài ra không yêu cầu thêm ai có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng chị Tuyết.

Tại phiên toà, anh N yêu cầu: chị T trả trong một lần cho anh N số tiền mua tủ còn nợ là: 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 25/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 16/01/2023 dương lịch) đến nay.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị T trình bày:***

Vào ngày 19/11/2021 âm lịch (22/12/2021 dương lịch), chị T có mua của anh N 1 cái tủ kệ thao lao 2m và 1 bàn trang điểm trị giá 10.800.000 đồng + 2.700.000 đồng = 13.500.000 đồng. Chị T trả trước cho anh N 7.000.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng hai bên thỏa thuận nếu rằm tháng giêng tôi trả đủ số tiền trên thì không tính lãi, nếu đến hạn mà không trả đủ thì thống nhất tính lãi 3%/tháng nhưng chị T không trả được số tiền còn nợ như lời hứa. Sau đó chị T có gửi trả cho anh N số tiền lãi là 1.800.000 đồng, còn lại số tiền gốc 6.500.000 đồng thì chị Tuyết chưa trả được. Sau đó anh N yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thì tại trụ sở ấp An T vào ngày 20/7/2023 thì chị xác định chị còn nợ anh N 6.500.000 đồng tiền mua tủ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn nên chị xin trả dần số tiền nêu trên mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng anh N không đồng ý.

Chị T xác định rằng chị không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi mà chị đã trả cho anh N.

Tại phiên toà, chị T: thừa nhận chị còn nợ anh N số tiền mua tủ là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng chị T xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng và xin anh N không tính tiền lãi vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình chị đang gặp

khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N. Buộc bị đơn chị T có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Về lãi suất: Chị T phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 16/01/2023 dương lịch) cho đến khi xét xử đối với số tiền 6.500.000 đồng. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn anh N yêu cầu bị đơn chị T phải trả cho anh số tiền mua tử còn nợ là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Bị đơn chị T có hộ khẩu thường trú tại ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Anh N yêu cầu buộc chị T trả trong một lần cho anh N số tiền mua tử còn nợ là: 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 25/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 16/01/2023 dương lịch) cho đến khi xét xử.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của anh N: Mặc dù khi anh N bán tử cho chị Tt thì hai bên không làm hợp đồng mua bán hay biên nhận nhưng qua các lời trình bày của chị T tại bản tự khai, trong phiên hoà giải tại ấp An Thành, tại Toà án, tại phiên toà hôm nay thì chị T thừa nhận chị có mua tử và còn nợ anh N số tiền mua

tử là 6.500.000 đồng, hai bên có thoả thuận trả tiền như anh N trình bày và chị T xin anh Năm cho chị trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng anh N không đồng ý.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định việc chị Tuyết mua tử của anh Năm và còn nợ anh Năm số tiền 6.500.000 đồng là đúng diễn biến thực tế mà các bên đã thực hiện. Chị T đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thoả thuận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho anh N số tiền còn nợ là 6.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi là 1.800.000 đồng mà chị T đã trả cho anh Năm thì cả chị T và anh N đều không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về số tiền này. Về mức lãi suất mà hai bên thoả thuận là 3%/năm nhưng tại phiên toà anh N chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 25/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 16/01/2023 dương lịch) cho đến khi xét xử. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của anh N là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được tính như sau: $6.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm (1,66\%/tháng) \times 15 \text{ tháng} 03 \text{ ngày}$ (anh N thống nhất làm tròn là 15 tháng) = 1.625.000 đồng. Như vậy tổng cộng tiền gốc và lãi chị Tuyết phải có trách nhiệm trả cho anh Năm là: $6.500.000 \text{ đồng} + 1.625.000 \text{ đồng} = 8.125.000 \text{ đồng}$.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn anh N được chấp nhận nên buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N.

Buộc bị đơn chị T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh N số tiền còn nợ là 6.500.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 16/01/2023 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 19/4/2024 dương lịch) là 1.625.000 đồng; tổng cộng gốc lãi là 8.125.000đ (Tám triệu

một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Địa điểm giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho anh N thì hàng tháng chị T còn phải trả cho anh N thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn chị T phải chịu án phí với số tiền là 406.250đ (Bốn trăm lẻ sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn anh N không phải chịu án phí; anh N được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001211 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh